



# **HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN**

## **DIỄN TRÌNH QUAN HỆ - THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG**

NHIỀU TÁC GIẢ



**NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN  
(Nhiều tác giả)

**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ**  
**VIỆT NAM - NHẬT BẢN**  
**DIỄN TRÌNH QUAN HỆ - THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG**

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ  
HÀ NỘI - 2024

### **CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

TS. Nguyễn Hữu Phú  
TS. Hoàng Thị Hương  
PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ  
TS. Nguyễn Văn Dương  
TS. Ngô Minh Hiệp  
PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hà

### **BAN BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ  
PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hà  
TS. Hoàng Thị Hương  
TS. Nguyễn Văn Dương  
TS. Ngô Minh Hiệp  
ThS. Trần Thị Diễm Trâm  
ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

## MỤC LỤC

|                                                                                                          |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| PHÁT BIỂU KHAI MẠC HỘI THẢO CỦA PHÓ HIỆU TRƯỞNG<br>TRƯỜNG NGOẠI NGỮ - XÃ HỘI NHÂN VĂN - ĐẠI HỌC DUY TÂN  | 7         |
| TS. Hoàng Thị Hương                                                                                      |           |
| PHÁT BIỂU CHÀO MỪNG HỘI THẢO CỦA ĐẠI DIỆN<br>TỔNG LÃNH SỰ QUÁN NHẬT BẢN TẠI ĐÀ NẴNG                      | 9         |
| YAKABE YOSHINORI                                                                                         |           |
| BÁO CÁO DẪN HỘI THẢO                                                                                     | 11        |
| TS. Ngô Minh Hiệp                                                                                        |           |
| <b>CHỦ ĐỀ 1. QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN</b>                                                             |           |
| <b>NHỮNG VẤN ĐỀ ĐƯƠNG ĐẠI 50 NĂM QUA</b>                                                                 | <b>13</b> |
| QUAN HỆ ASEAN - NHẬT BẢN HAI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI,<br>NHÂN TỐ THÚC ĐẨY QUAN HỆ VIỆT - NHẬT           | 14        |
| PGS.TS. Nguyễn Thu Mỹ                                                                                    |           |
| QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM - NHẬT BẢN<br>TRÊN LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ NHỮNG NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI       | 29        |
| PGS.TS Nguyễn Thị Quế                                                                                    |           |
| TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ NƯỚC LỚN TRONG QUAN HỆ<br>VIỆT NAM - NHẬT BẢN NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI        | 44        |
| TS. Nguyễn Văn Tuấn, TS. Ngô Minh Hiệp                                                                   |           |
| MỘT SỐ THÁCH THỨC CỦA TÌNH HÌNH THẾ GIỚI HIỆN NAY<br>TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN            | 55        |
| NCS. Đoàn Thị Mai Liên                                                                                   |           |
| 50 NĂM QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN TRÊN LĨNH VỰC<br>CHÍNH TRỊ VÀ NGOẠI GIAO (1973-2023)                  | 71        |
| TS. Nguyễn Văn Tuấn                                                                                      |           |
| VÀI NÉT TRONG 50 NĂM QUAN HỆ NGOẠI GIAO NHẬT BẢN -<br>VIỆT NAM: THÀNH TỰU, TIỀM NĂNG VÀ RÀO CẢN HIỆN NAY | 87        |
| TS. Nguyễn Lê Thu Hiến, ThS. Nguyễn Tấn Tài                                                              |           |

|                                                                                                                                       |            |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| HỢP TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN                                                                                     | 98         |
| TS. Tạ Ngọc Hà                                                                                                                        |            |
| QUAN HỆ QUỐC PHÒNG VIỆT NAM - NHẬT BẢN TỪ NĂM 2018 ĐẾN NAY                                                                            | 106        |
| TS. Trần Thị Hải Yến, ThS. Thượng tá Nguyễn Đình Lưu                                                                                  |            |
| QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC VIỆT NAM - NHẬT BẢN SÂU RỘNG VÌ HÒA BÌNH VÀ THỊNH VƯỢNG Ở CHÂU Á TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2014-2023 | 115        |
| TS. Nguyễn Thị Thúy                                                                                                                   |            |
| HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN TRONG KHUÔN KHỔ ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC                                                           | 125        |
| ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo,<br>Nguyễn Thị Minh Phương                                                                                |            |
| CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở NHẬT BẢN VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM                                                  | 143        |
| TS. Đinh Văn Trọng, ThS. Dương Việt Anh                                                                                               |            |
| TƯ DUY CHIẾN LƯỢC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) NHẬT BẢN - VIỆT NAM TỪ NĂM 1960 ĐẾN NAY                                          | 154        |
| TS. Nguyễn Hùng Vương, TS. Phạm Đức Thọ                                                                                               |            |
| HỢP TÁC VIỆT NAM - NHẬT BẢN NỖ LỰC CHUNG TRONG BẢO TỒN, TRÙNG TU, TÔN TẠO CÁC DI SẢN VĂN HÓA VIỆT NAM                                 | 174        |
| ThS. NCS. Nguyễn Minh Quang                                                                                                           |            |
| QUAN HỆ HỢP TÁC ĐÀ NẴNG (VIỆT NAM) - VỚI NHẬT BẢN TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2023: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG                                  | 191        |
| TS. Nguyễn Văn Dương, SV. Nguyễn Đỗ Vũ Hà                                                                                             |            |
| <b>CHỦ ĐỀ 2. QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN</b>                                                                                          |            |
| <b>NHỮNG DẤU ẤN LỊCH SỬ</b>                                                                                                           | <b>205</b> |
| NHỮNG DẤU ẤN TRONG QUAN HỆ NGOẠI GIAO, THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - NHẬT BẢN THẾ KỶ XIV - XVI                                                | 206        |
| TS. Bùi Văn Huỳnh                                                                                                                     |            |

|                                                                                                                                                     |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| THĂM HOA NGUYỄN HUY OÁNH TRONG MỐI QUAN HỆ<br>VỚI NHẬT BẢN                                                                                          | 215        |
| TS. Phan Đăng Thuận                                                                                                                                 |            |
| NGHIÊN CỨU QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG VÀ CHÍNH SÁCH<br>BANG GIAO CỦA CHÍNH QUYỀN CHÚA NGUYỄN Ở ĐÀNG<br>TRONG VỚI NHẬT BẢN THẾ KỶ XVI-XVII                | 221        |
| ThS. Đào Văn Trường,<br>ThS. NCS. Ngô Thị Cẩm Liên                                                                                                  |            |
| “MAP OF SEA TRADE IN GIAO CHI” IMPRINT IN VIETNAM - JAPAN<br>TRADE IN 16 <sup>th</sup> AND 17 <sup>th</sup> CENTURIES                               | 231        |
| Dr. Pham Thi Hue, M.A. Tran Huu Tinh                                                                                                                |            |
| PHONG TRÀO ĐÔNG DU VÀ QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI TƯ DUY<br>CỦA CÁC NHÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM THỜI CẬN ĐẠI                                                       | 238        |
| TS. Nguyễn Đình Quỳnh                                                                                                                               |            |
| THÁI ĐỘ CỦA CÁC GIỚI NHẬT BẢN ĐỐI VỚI PHONG TRÀO<br>ĐÔNG DU CỦA VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX                                                              | 247        |
| TS. Ngô Minh Hiệp, TS. Tống Thị Tân                                                                                                                 |            |
| <b>CHỦ ĐỀ 3. QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN:</b>                                                                                                       |            |
| <b>GÓC NHÌN VĂN HÓA - NGÔN NGỮ VÀ LUẬT PHÁP</b>                                                                                                     | <b>261</b> |
| GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU TIẾNG NHẬT Ở VIỆT NAM                                                                                                       | 262        |
| PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hà                                                                                                                          |            |
| ĐỐI DỊCH TỬ TƯỢNG THANH VÀ TƯỢNG HÌNH<br>TRONG HAI NGÔN NGỮ NHẬT - VIỆT                                                                             | 272        |
| TS. Hoàng Thị Hương, PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Hà                                                                                                     |            |
| TÌNH HÌNH GIÁO DỤC E - LEARNING TẠI NHẬT BẢN<br>VÀ KHẢ NĂNG HỢP TÁC VỚI VIỆT NAM                                                                    | 284        |
| TS. Ngô Hồ Anh Khôi, Mai Phúc Quý                                                                                                                   |            |
| QUAN HỆ VIỆT NAM - NHẬT BẢN: TỪ QUÁ KHỨ TỚI HIỆN TẠI<br>(Qua nghiên cứu trường hợp ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam và<br>Bảo tàng Kyushu- Nhật Bản) | 297        |
| TS. Vũ Hồng Thuật                                                                                                                                   |            |

|                                                                                                              |     |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| ĐA DẠNG TÔN GIÁO: SO SÁNH NHẬT - VIỆT<br>(Một số vấn đề tôn giáo trong xã hội đương đại)                     | 313 |
| TS. Lê Đức Hạnh                                                                                              |     |
| SỨC SỐNG HÌNH TƯỢNG OSHIN TRONG ĐỜI SỐNG<br>XÃ HỘI VIỆT NAM DƯỚI GÓC NHÌN TRUYỀN THÔNG                       | 325 |
| ThS.NCS. Nguyễn Ngọc Hạnh My                                                                                 |     |
| ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ DỊ BIỆT TRONG THƠ TANKA<br>CỦA ONO NO KOMACHI VÀ THƠ NÔM CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG                | 336 |
| ThS. Nguyễn Thị Hải Hậu                                                                                      |     |
| HỢP TÁC GIÁO DỤC GIỮA VIỆT NAM VÀ NHẬT BẢN<br>Ở BẬC ĐẠI HỌC                                                  | 350 |
| ThS. Trần Thị Diễm Trâm                                                                                      |     |
| HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC GIỮA VIỆT NAM<br>VÀ NHẬT BẢN: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ               | 361 |
| ThS. Hồ Diệu Huyền                                                                                           |     |
| ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI TRÚ - NGHIÊN CỨU<br>QUA HAI BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ HIẾN PHÁP NHẬT BẢN | 375 |
| ThS. Lê Thị Xuân Phương,<br>ThS. Ngô Thị Thu Huyền                                                           |     |

## **ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG DI TRÚ - NGHIÊN CỨU QUA HAI BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ HIẾN PHÁP NHẬT BẢN**

**ThS. Lê Thị Xuân Phương**

*Đại học Duy Tân*

**ThS. Ngô Thị Thu Huyền**

*Học viện Tư pháp cơ sở TP. Hồ Chí Minh*

Việt Nam và Nhật Bản là hai quốc gia châu Á với những điểm tương đồng về văn hóa và là đối tác kinh tế lâu dài, giữa hai quốc gia cũng có các mối liên hệ nhất định liên quan đến người lao động. Theo số liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế ILO, số lao động Việt Nam chiếm tới 1/4 trên tổng số 1,82 triệu lao động nước ngoài tại Nhật Bản<sup>284</sup>, ngược lại Việt Nam cũng là thị trường lao động của một lượng lớn người lao động Nhật Bản. Năm 2019, khi đại dịch Covid 19 diễn ra đã tác động không nhỏ đến việc quản lý dân cư của cả hai quốc gia, trong đó, các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động di trú một lần nữa được cân nhắc, bởi lẽ việc xây dựng hành lang pháp lý để ứng biến với các vấn đề an ninh phi truyền thống mới cần rất nhiều thời gian. Chính vì vậy, bài viết này sẽ nghiên cứu vấn đề dưới góc độ Hiến pháp của hai quốc gia để xác định những điều luật “khuôn mẫu” về quyền con người từ đó xác định tham chiếu cho pháp luật của hai bên. Bài viết sẽ tập trung vào các trụ cột chính sau đây: (1) Làm rõ các vấn đề lý luận có liên quan đến quyền của lao động di trú và quyền của người lao động di trú; (2) Đánh giá những ảnh hưởng đến quyền của người lao động di trú tại Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh hiện tại; (3) Làm rõ vấn đề quyền của người lao động di trú trong hệ thống pháp luật của hai bên; (4) Đề xuất một số kiến nghị để bảo đảm quyền lợi của người lao động di trú.

---

<sup>284</sup> Hà Quân (2023), Người Việt chiếm 1/4 tổng số lao động nước ngoài tại Nhật Bản, đem về 3 tỉ USD kiều hối mỗi năm, <https://tuoitre.vn/nguoi-viet-chiem-1-4-tong-so-lao-dong-nuoc-ngoai-tai-nhat-ban-dem-ve-3-ti-usd-kieu-hoi-moi-nam-20230405120547344.htm#:~:text=Theo%20b%C3%A0%20Ingrid%20Christensen%20%2D%20gi%C3%A1m,n%C6%B0%E1%BB%9Bc%20ngo%C3%A0i%20t%E1%BA%A1i%20Nh%E1%BA%ADt%20B%E1%BA%A3n.,> truy cập ngày 23/9/2023.

### 1. Lao động di trú và quyền của người lao động di trú

Là một phần trong pháp luật quốc tế về quyền con người, hành lang pháp lý quốc tế cho người lao động di trú bao gồm: Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945; Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948; Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966,... Bên cạnh đó, quyền của người lao động di trú còn được đề cập ở 02 Công ước của Liên đoàn Lao động quốc tế là: Công ước số 97 năm 1949 về lao động di trú và việc làm và Công ước số 143 năm 1975 về người di trú trong môi trường bị lạm dụng và việc thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội và trong đối xử với người lao động di trú, trong đó yêu cầu các quốc gia thành viên phải tôn trọng và bảo vệ tất cả các quyền con người của người lao động di trú. Ngoài ra, ILO còn thông qua một số văn kiện khác có liên quan như: Khuyến nghị số 51 về người lao động di trú năm 1975; Công ước số 29 về xóa bỏ lao động cưỡng bức và bắt buộc năm 1930; và Công ước số 105 về xóa bỏ lao động cưỡng bức năm 1957;...

Theo Điều 2, Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và tất cả thành viên gia đình họ năm 1990 (ICRMW): “*người lao động di trú*” (Migrant worker) là một người đã, đang và sẽ làm một công việc có hưởng lương tại một quốc gia mà người đó không phải là công dân.<sup>285</sup> Theo đó, lao động di trú có thể là: nhân công vùng biên, nhân công theo mùa, người di biến, nhân công làm việc tại một công trình trên biển, nhân công lưu động, nhân công theo dự án, nhân công lao động chuyên dụng hoặc nhân công tự chủ. Do đó có thể thấy, cơ sở để xác định một người lao động di trú là phạm vi lãnh thổ mà họ làm việc chứ không phụ thuộc vào tính chất và đặc thù của từng công việc. Cũng theo ICRMW quyền lợi của người lao động di trú cần được đảm bảo mà không phân biệt việc họ đang lao động di trú hợp pháp hay bất hợp pháp<sup>286</sup>.

Có thể nhận thấy, người lao động di trú đa số thường là những lao động phổ thông có trình độ nhận thức chưa cao và đến từ những quốc gia đang phát triển, chính vì vậy, nhìn chung nhóm người này dễ bị tổn thương bởi các tác

<sup>285</sup> Điều 2, Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và tất cả thành viên gia đình họ năm 1990 (ICRMW), (United Nations (1990), International Convention on the Protection of the Rights of All Migrant Workers and Members of their Families).

<sup>286</sup> Điều 5, Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và tất cả thành viên gia đình họ năm 1990 (ICRMW), (United Nations (1990), International Convention on the Protection of the Rights of All Migrant Workers and Members of their Families).

động của xã hội cũng như những biến động về mặt kinh tế, cũng chính vì vậy họ được xếp vào nhóm người dễ bị tổn thương và cần được bảo vệ theo pháp luật quốc tế về quyền con người.

Dưới góc độ pháp lý quốc tế về quyền con người, người lao động di trú cũng có quyền hưởng những quyền mang tính chất cơ bản, xuất phát từ quyền con người bao gồm<sup>287</sup>:

*Tính phổ biến:* quyền của người lao động di trú là những quyền tự nhiên, vốn có của con người, quyền này được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi thành viên trong gia đình của họ mà không có sự phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì.

*Tính không thể tước bỏ:* quyền của người lao động di trú không thể bị tước đoạt hay hạn chế một cách tùy tiện bởi bất cứ chủ thể nào, kể cả nhà nước.

*Tính không thể phân chia:* các quyền của người lao động di trú đều có tầm quan trọng như nhau, không có quyền nào được coi là có giá trị hơn quyền nào.

*Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau:* các quyền của người lao động di trú nằm trong mối liên hệ phụ thuộc và tác động lẫn nhau. Sự vi phạm quyền này sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác<sup>288</sup>.

Như vậy, có thể khẳng định quyền của người lao động di trú là những nhu cầu, lợi ích tự nhiên, vốn có được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Trên tinh thần của hệ thống pháp luật quốc tế, có thể rút ra các nhóm quyền cơ bản của người lao động di trú bao gồm các nhóm quyền về dân sự và chính trị, các nhóm quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Do đó, những người lao động di trú và gia đình của họ có quyền được bảo vệ bởi pháp luật, không bị tra tấn, xử tàn tệ, không phải chịu các biện pháp trục xuất nếu như không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, quyền được chăm sóc sức khỏe, giáo dục,...<sup>289</sup>. Ngoài ra, là một người lao động, các lao động di trú còn được bảo vệ theo các quy định của pháp luật lao động của tế và các quy chuẩn của ILO như được hưởng chế độ lao động bình đẳng. Được phân bổ thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi hợp lý và được chăm sóc sức khỏe, đảm bảo các vấn đề về an ninh xã hội,...

---

<sup>287</sup> Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người (2009), Nxb Chính trị Quốc gia.

<sup>288</sup> Bùi Thị Hòa (2014), Hoàn thiện pháp luật về quyền của người lao động di trú ở Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>289</sup> Xem các Điều 10, 11, 22, 28, 30, Công ước Quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di trú và tất cả thành viên gia đình họ năm 1990 (ICRMW), (United Nations (1990), International Convention on the Protection of the Rights of All Migrant Workers and Members of their Families).

## 2. Thực tiễn quyền của người lao động di trú Việt Nam tại Nhật Bản

Kinh tế Nhật Bản là một nền kinh tế phát triển với tốc độ phát triển của công nghệ và hiện đại hóa cao, cùng với đó tình hình dân số Nhật Bản hiện nay lại là dân số già, do đó nhu cầu về nguồn lao động của đất nước này là vô cùng cao, đặc biệt là đối với các lao động phổ thông. Trong những năm gần đây, chính sách ngoại giao giữa Việt Nam và Nhật Bản không ngừng được mở rộng, điều này đã góp phần làm tăng nhanh lượng lao động Việt Nam tại Nhật Bản. Lao động Việt Nam là một động lực quan trọng, đóng góp vào quá trình phục hồi của Nhật Bản, nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới, sau đại dịch covid-19. Theo thống kê của Bộ Y tế Lao động và Phúc lợi Nhật Bản, tính đến tháng 10/2022, có trên 1,82 triệu người nước ngoài đang làm việc tại Nhật Bản, trong đó người lao động Việt Nam đông nhất, lên tới 462.384 người, chiếm 25,4%, tiếp đó là lao động Trung Quốc chiếm 21,2% và Philippines 11,3%. Đa số lao động người Việt là thực tập sinh kỹ năng và đây là nguồn cung cấp quan trọng cho các ngành nghề đang thiếu lao động trầm trọng của Nhật Bản<sup>290</sup>. Con số này dự báo sẽ tiếp tục tăng đến năm 2025.

Mặc dù Hiến pháp và pháp luật Nhật Bản được đánh giá là khá phát triển và bảo vệ quyền con người, tuy nhiên trước tác động của dịch bệnh covid-19 và những vấn đề an ninh mới cũng làm cho quốc gia này gặp phải một số khó khăn và bất cập trong việc bảo vệ quyền của người lao động di trú. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, chính những bất cập về vấn đề an ninh trong thời kỳ covid đã làm cho các chính sách về quyền con người của cư dân nước ngoài tại Nhật Bản chưa được thỏa đáng. Nhiều cư dân nước ngoài đã phải chịu nhiều khó khăn khác nhau trong thời kỳ đại dịch<sup>291</sup>.

Không chỉ là những bất cập trong tình hình đại dịch mà nhiều vấn đề khác liên quan đến quyền của người lao động di trú cũng cần được xem xét lại, đặc biệt là các vấn đề đối với các lao động di trú là công dân Việt Nam. Ngày 21/7/2021 Tờ Mainichi, Nhật Bản đưa tin một thực tập sinh người Việt Nam đã bị Tòa án Fukuoka kết án tám tháng tù giam nhưng được hoãn thi hành án

---

<sup>290</sup> Long Nguyễn (2023), Lao động Việt Nam đóng góp tích cực tại Nhật Bản, <https://vtv.vn/the-gioi/lao-dong-viet-nam-dong-gop-tich-cuc-tai-nhat-ban-20230128064020408.htm>, truy cập ngày 25/9/2023.

<sup>291</sup> Asahi Shimbun (2022), Human rights of foreign residents need protection in Constitution, <https://www.asahi.com/ajw/articles/14614807>, truy cập ngày 26/9/2023.

ba năm vì hành động tử bỏ thi thể cặp song sinh chết lưu của mình tại nhà<sup>292</sup>. Vụ việc này liên quan trực tiếp đến quyền mang thai và sinh con của phụ nữ đi làm cũng như đặt ra nhiều vấn đề khác có liên quan như hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người lao động di trú.

Từ đó, những câu hỏi rộng hơn liên quan đến ý nghĩa pháp lý của quyền mưu cầu hạnh phúc và mức sống nhất định của người dân có được bảo đảm theo Hiến pháp Nhật Bản. Bởi lẽ nhân quyền là phổ quát, không thể chuyển nhượng và vượt qua những khác biệt về đặc tính con người như giới tính, dân tộc và quốc tịch.

### **3. Vấn đề quyền của người lao động di trú trong Hiến pháp Việt Nam và Hiến pháp Nhật Bản**

Có thể khẳng định, tư tưởng về quyền con người có mối liên hệ chặt chẽ đến quá trình hình thành và phát triển Hiến pháp của mọi quốc gia trên thế giới. Xét tổng quát, việc đảm bảo quyền con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu trong Hiến pháp của các quốc gia, bất kể quốc gia đó lựa chọn theo thể chế chính trị nào<sup>293</sup>. Sự phát triển của các quy định về quyền con người trong Hiến pháp mỗi quốc gia vừa thể hiện sự tiến bộ, phát triển trong hệ thống pháp luật của quốc gia đó, vừa là cơ sở để các quốc gia đối tác dựa vào đó điều chỉnh các quy định của quốc gia mình theo hướng tương thích. Bởi lẽ, trên tinh thần của nguyên tắc “có đi có lại” trong pháp luật quốc tế về dân cư, việc đãi ngộ trọng thị đối với công dân của một quốc gia là cơ sở để công dân quốc gia mình được thụ hưởng các chế độ đãi ngộ tương tự. Chính vì vậy, trong phần này các tác giả sẽ tập trung làm rõ các quy định trong Hiến pháp Việt Nam và Hiến pháp Nhật Bản.

#### **3.1. Quyền của người lao động di trú trong Hiến pháp Việt Nam**

Phải khẳng định rằng, quyền của người lao động di trú là một vấn đề mới trong tổng thể các quyền con người, đồng thời quyền con người là thống nhất, không có sự phân chia bất kể những khác biệt về dân tộc, tôn giáo và quốc tịch.

---

<sup>292</sup> Trùng Quang (2021), Thực tập sinh Việt ở Nhật bị kết án tù vì bỏ thi thể cặp song sinh chết lưu, <https://plo.vn/thuc-tap-sinh-viet-o-nhat-bi-ket-an-tu-vi-bo-thi-the-cap-song-sinh-chet-luu-post638395.html>, truy cập ngày 26/9/2023.

<sup>293</sup> Vũ Công Giao (2011), “Một số suy nghĩ về Constitutionalism”, Kỷ yếu Tòa đàm về Chủ nghĩa Hiến pháp của Bộ môn Luật Hiến pháp - Hành chính tháng 10/2011, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, trang 38.

Do đó, quyền của người lao động di trú trong Hiến pháp Việt Nam được quy định đồng nhất với các quy định về quyền con người.

Trong lịch sử lập hiến của Việt Nam, quyền của con người luôn được cụ thể hóa bằng những quyền cơ bản của công dân (được ghi nhận trong Hiến pháp) và bao giờ cũng được xem là một chế định pháp luật rất quan trọng - đây là một trong những chế định thể hiện bản chất dân chủ, tiến bộ của một nhà nước, thể hiện mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân cùng với các cá nhân trong xã hội<sup>294</sup>. Hiến pháp năm 2013 đã tiếp tục sử dụng khái niệm “*quyền con người*” với nội dung chính trị - pháp lý rộng hơn để phản ánh giá trị của cá nhân con người. Hiến pháp cũng giành riêng chương II với tên gọi: “Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân” với 36 điều (từ Điều 14 đến điều 49 - Hiến pháp năm 2013) để điều chỉnh các vấn đề có liên quan.

Tại Điều 14 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 ghi nhận: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”<sup>295</sup>. Đây cũng là lần đầu tiên Hiến pháp Việt Nam ghi nhận quyền con người một cách độc lập với quyền của công dân. Theo đó, không phân biệt là công dân Việt Nam hay người nước ngoài sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam đều được đảm bảo các quyền cơ bản của con người theo 02 nhóm quyền là các quyền về dân sự, chính trị và các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội. Tại Điều 16 Hiến pháp quy định<sup>296</sup>: “1. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. 2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.”

Thuật ngữ “mọi người” (không phân biệt công dân Việt Nam và người nước ngoài) là một minh chứng rõ ràng cho việc ghi nhận quyền con người của công dân nước ngoài tại Việt Nam. Tương tự như vậy, Tại Điều 19 ghi nhận “*Mọi người có quyền sống...*” đây là một điều mới, ghi nhận một quyền

---

<sup>294</sup> Nguyễn Duy Quốc (2014), Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12 (268), tháng 6/2014.

<sup>295</sup> Điều 14, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

<sup>296</sup> Điều 16, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

mới, đã thể chế một quyền hết sức cơ bản, quyền tự nhiên của con người vừa phù hợp công ước quốc tế về quyền con người vừa khẳng định tính nguyên bản của quyền con người trong thế giới khách quan<sup>297</sup>.

Các quyền về dân sự, chính trị của con người còn được thể hiện rõ trong Hiến pháp như: *"Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định. Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm"*<sup>298</sup>. Công dân nước ngoài sinh sống tại Việt Nam cũng được bảo đảm các quyền tự do các nhân như bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, gia đình, không bị xúc phạm danh dự và nhân phẩm,...<sup>299</sup>.

Song song đó, các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội cũng được đảm bảo, công dân Việt Nam và người nước ngoài được tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo,... Đối với người lao động di trú Hiến pháp cũng khẳng định rõ tại Điều 35 quy định: *"Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm"*. Theo đó, khi cư trú và lao động tại Việt Nam công dân nước ngoài được Hiến pháp và pháp luật đảm bảo cho quyền tự do kinh doanh, cũng vì vậy, người lao động nước ngoài tại Việt Nam có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, phần góp vốn trong doanh nghiệp hoặc các tổ chức kinh tế khác<sup>300</sup>. Để đảm bảo được các lợi ích như vậy, người lao động nước ngoài tại Việt Nam cũng đồng thời thực hiện đóng thuế theo luật định.

Tóm lại, quyền con người là tiếng nói chung, mục tiêu chung của xã hội loài người. Đối với Việt Nam, quyền con người vừa là mục tiêu vừa là động

---

<sup>297</sup> Nguyễn Duy Quốc (2014), Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12(268), tháng 6/2014.

<sup>298</sup> Điều 20, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

<sup>299</sup> Điều 21, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

<sup>300</sup> Điều 32, Hiến pháp Việt Nam năm 2013.

lực của sự phát triển đất nước, vì dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Chỉ thị số 12/CT TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 1992 về *“Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”* cũng xác định: *“Đối với chúng ta, vấn đề quyền con người được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ ta và bao quát rộng rãi nhiều lĩnh vực, từ chính trị, tư tưởng, văn hóa đến kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, pháp chế...”*. Chính vì vậy, những quy định về quyền con người được quan tâm và thể hiện rõ trong Hiến pháp năm 2013. Các quyền cơ bản này cũng không có sự phân biệt đối với công nhân nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam. Bên cạnh đó, mặc dù không quy định riêng biệt về quyền của người lao động di trú nhưng các lợi ích về quyền dân sự, chính trị và quyền kinh tế, văn hóa xã hội của nhóm chủ thể này cũng được đảm bảo thông qua các quy định về quyền con người. Đồng thời, việc xác định các quyền tự do kinh doanh và đảm bảo về thu nhập cũng được xem là những quy định tiến bộ, hướng đến các lợi ích thiết thân của nhóm đối tượng là người lao động di trú.

Chính những quy định này đã tạo ra cơ chế đảm bảo cho lao động di trú nước ngoài tại Việt Nam bằng hệ thống các văn bản dưới Hiến pháp như luật Lao động và các quy định khác có liên quan. Hành lang pháp lý quan trọng này là tiền đề để Việt Nam thiết lập và mở rộng mối quan hệ ngoại giao và tăng cường hợp tác về kinh tế đối với các quốc gia khác nói chung và Nhật Bản nói riêng. Đồng thời, những tiến bộ về quyền con người trong Hiến pháp cũng là cơ sở để Việt Nam tham chiếu, bảo vệ cho các lao động di trú Việt Nam tại nước ngoài.

### **3.2. Quyền của người lao động di trú trong Hiến pháp Nhật Bản**

Như đã phân tích, Nhật Bản gần như là thị trường lao động chính của người lao động Việt Nam trong những năm gần đây, trong tương lai, dự kiến tỷ lệ người lao động di trú của Việt Nam tại Nhật Bản sẽ tiếp tục gia tăng, do đó việc nghiên cứu các quy định về quyền của người lao động di trú trong Hiến pháp Nhật Bản là hoàn toàn cần thiết để bảo vệ tối đa các quyền và lợi ích của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

Hiến pháp Nhật Bản hay còn gọi là Hiến pháp 1946 gồm 11 chương và 103 điều. Quyền con người được đề cập cùng với quyền công dân tại Chương III với 31 điều (từ Điều 10 đến Điều 40 - chiếm khoảng 30% toàn bộ dung lượng

Hiến pháp) quy định về quyền và nghĩa vụ của công dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, tôn giáo, hôn nhân gia đình<sup>301</sup>.

Trong đó, Hiến pháp chú trọng các vấn đề về quyền con người, Hiến pháp khẳng định *tôn trọng quyền cơ bản của con người* với ý nghĩa bất cứ ai từ khi sinh ra đều có những quyền này bởi vì họ là con người, đó là các quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo, tự do học tập và tự do lựa chọn nghề nghiệp, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền sống, quyền được học tập, quyền bầu cử, quyền ứng cử, quyền yêu cầu tòa án (bảo vệ),...<sup>302</sup>. Cụ thể, tại Điều 11 Hiến Pháp Nhật Bản quy định: *"Mọi người đều có quyền cơ bản. Những quyền đó là vĩnh viễn, bất khả xâm phạm dành cho công dân Nhật không chỉ ở thể hệ này mà còn ở các thể hệ sau và được ghi trong Hiến pháp"*.

Qua đó, cho thấy quyền con người của tất cả các cá nhân đều được Hiến pháp bảo vệ. Mặc dù Điều 11 cũng nhắc đến quyền hạn dành cho công dân Nhật, tuy nhiên phải hiểu rằng hiến pháp Nhật Bản được ra đời khá sớm từ năm 1946 trong khi Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền ra đời sau đó hai năm (1948) do đó các vấn đề về quyền con người nói chung (bao gồm quyền của người nước ngoài) chưa thực sự được chú trọng trong giai đoạn này. Điều 11 cũng không được hiểu theo cách Nhật Bản loại bỏ các quyền con người của người nước ngoài trong Hiến pháp. Việc ghi nhận quyền cho phép với sự phân định quyền công dân bằng thuật ngữ *"công dân có quyền"* và các quyền chung bằng thuật ngữ *"không ai"* hay *"mọi người"*<sup>303</sup>.

Phải khẳng định rằng, Hiến pháp Nhật Bản với tính cách là một Hiến pháp dân chủ và tiến bộ đã ghi nhận chủ quyền thuộc về nhân dân và ghi nhận sự tôn trọng các quyền con người đồng thời ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước Nhật Bản trong việc hiện thực hóa các quyền này<sup>304</sup>. Liên quan đến các quyền con người, Điều 13 Hiến pháp Nhật Bản ghi nhận:

---

<sup>301</sup> Nguyễn Ngọc Nghiệp (2021), Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Nhật Bản và Hiến pháp Việt Nam: Phân tích so sánh, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7 năm 2021.

<sup>302</sup> Nguyễn Ngọc Nghiệp, Nguyễn Tuấn Việt (2020), Vai trò của hiến pháp trong việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân - Khảo sát trường hợp Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 11 (237) năm 2020.

<sup>303</sup> Nguyễn Ngọc Nghiệp (2021), Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Nhật Bản và Hiến pháp Việt Nam: Phân tích so sánh, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7 năm 2021.

<sup>304</sup> Nguyễn Ngọc Nghiệp, Nguyễn Tuấn Việt (2020), Vai trò của hiến pháp trong việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân - Khảo sát trường hợp Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 11 (237) năm 2020.

*“Tất cả mọi người đều được thừa nhận là những cá nhân riêng biệt. Quyền được sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc của công dân phải được đặc biệt quan tâm trong hoạt động lập pháp cũng như trong hoạt động khác của chính phủ nếu nó không đi ngược lại với quyền lợi chung của cộng đồng”<sup>305</sup>.*

Qua đó, có thể nhận thấy, những quyền cơ bản của con người đã được ghi nhận từ rất sớm, trước cả khi Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền ra đời, song song đó Nhật Bản vẫn đảm bảo được những nhóm quyền cơ bản về dân sự, chính trị cũng như nhóm quyền kinh tế, văn hóa, xã hội trong Hiến pháp. Hiến pháp cũng mở ra cơ chế đảm bảo thực hiện quyền con người bằng cơ chế tam quyền phân lập với sự phân quyền giữa ba nhánh lập pháp, hành pháp và tư pháp là một cách bảo đảm quyền con người ở tầm Hiến pháp. Mặc dù phân quyền tại Nhật Bản chỉ là phân quyền mềm nhưng chính sự phân chia rõ ràng này đã tạo ra sự kiểm chế và kiểm soát lẫn nhau ngăn chặn được sự lạm quyền, độc đoán chuyên quyền và mất dân chủ, kết quả là hạn chế được sự xâm phạm quyền con người từ phía các tổ chức và quan chức Nhà nước.

Liên quan đến quyền của người lao động di trú, Hiến pháp Nhật Bản quy định: *“Mọi người đều có quyền và có nghĩa vụ làm việc. Các tiêu chuẩn về lương bổng, giờ làm, thời gian nghỉ ngơi và nhiều điều kiện làm việc khác đều được pháp luật quy định. Trong mọi trường hợp, bóc lột trẻ em là phạm pháp”<sup>306</sup>.* Ngoài ra, người lao động còn có quyền tiến hành thương lượng và hành động tập thể theo luật định<sup>307</sup>.

Tóm lại, quyền của người lao động di trú mặc dù không được quy định riêng lẻ trong Hiến pháp Nhật Bản tuy nhiên đã được lồng ghép chung vào các quy định về quyền con người về cơ bản vẫn đảm bảo đủ các nhóm quyền dân sự, chính trị và nhóm quyền kinh tế, văn hóa, xã hội. Về các quyền lợi của người lao động, Hiến Pháp Nhật Bản được xem là khá văn minh và tiến bộ khi đã quy định về quyền lợi của người lao động khá cụ thể về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ tiền lương, điều kiện làm việc, quyền và nghĩa vụ lao động... Điều này đã tạo tiền đề cho một hành lang pháp bảo vệ quyền lợi của nhóm đối tượng dễ bị tổn thương đang làm việc tại Nhật Bản.

<sup>305</sup> Nguyễn văn tiếng Anh: All of the people shall be respected as individuals. Their right to life, liberty, and the pursuit of happiness shall, to the extent that it does not interfere with the public welfare, be the supreme consideration in legislation and in other governmental affairs.

<sup>306</sup> Điều 27, Hiến pháp Nhật Bản năm 1946.

<sup>307</sup> Điều 28, Hiến pháp Nhật Bản năm 1946.

#### **4. Một số khuyến nghị nhằm đảm bảo quyền của người lao động di trú**

Như đã phân tích, Hiến pháp Nhật Bản được các nhà nghiên cứu pháp lý đánh giá là một bản Hiến pháp khá tiến bộ và nhân văn với các quy định về quyền con người khá phong phú và đa dạng làm cho bản hiến pháp này đứng trong số những hiến pháp ghi nhận số lượng quyền cao trên thế giới. Tuy nhiên, trước những diễn biến của các vấn đề an ninh phi truyền thống cũng như sự thay đổi trong các tiêu chuẩn, điều kiện sống, pháp luật về quyền con người nói chung và pháp luật về người lao động di trú nói riêng cũng cần phải có sự điều chỉnh nhất định để bảo vệ tối đa quyền của nhóm đối tượng này mà trước hết là thay đổi những điểm còn chưa hoàn thiện trong Hiến pháp.

*Một là*, về thuật ngữ “*quyền con người*”. Hệ thống pháp luật của các quốc gia cần làm rõ khái niệm quyền con người trong hệ thống Hiến pháp của mình, theo hướng nâng tầm vị thế của người nước ngoài ngang hàng với công dân của quốc gia sở tại. Bởi lẽ, quyền con người là một quyền “*tự nhiên nhân*” nên không thể có sự phân biệt giữa công dân nước sở tại và người nước ngoài. Bên cạnh đó, cần tách bạch quyền con người và quyền công dân ra thành hai mục riêng biệt để tránh những hiểu lầm trong việc thực thi quyền con người trên thực tế.

*Hai là*, cần cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp bằng một văn bản quy phạm pháp luật cụ thể. Như đã phân tích, các quy định liên quan đến quyền của người lao động di trú trong Hiến pháp Việt Nam và Hiến pháp Nhật Bản còn khá chung chung, do đó trên thực tế không tránh khỏi việc quyền lợi của nhóm người này không được pháp luật bảo vệ một cách tối đa, đặc biệt là trước những tác động của thời đại cũng như các vấn đề an ninh phi truyền thống. Chính những thiếu vắng trong các quy định của pháp luật sẽ làm cho việc thực thi pháp luật trên thực tế của các cơ quan chức năng gặp nhiều khó khăn, thiếu sót. Trong quá trình ứng phó với các cuộc khủng hoảng xã hội, bảo vệ nhân quyền là vấn đề cốt lõi và then chốt của hành động nhân đạo. Nếu các vấn đề quyền lợi của người lao động di trú không được giải quyết thỏa đáng sẽ làm trầm trọng hơn những mâu thuẫn xã hội, gây ảnh hưởng đến vấn đề quản lý dân cư của quốc gia.

Trên thực tế Nhật Bản cũng đã ban hành Luật Các biện pháp đặc biệt năm 2012 để xây dựng hành lang pháp lý nhằm bảo vệ sức khỏe người dân và

ứng phó với tình hình dịch bệnh, luật này cũng được sửa đổi năm 2021 nhằm thích nghi với diễn biến của covid 19<sup>308</sup>. Tuy nhiên, quyền đối với người lao động di trú không chỉ là vấn đề sức khỏe trong thời kỳ dịch bệnh mà còn là các quyền để đảm bảo quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc như việc học tập, phổ biến kiến thức pháp luật, tạo điều kiện lưu trú,... Do đó, trong thời gian tới để đảm bảo quyền lợi cho người lao động di trú Việt Nam tại Nhật Bản, cơ quan chức năng của hai bên cũng cần phải thảo luận thêm về các vấn đề này.

Ba là, để đảm bảo tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động di trú Việt Nam tại Nhật Bản, hai quốc gia cần hợp tác toàn diện hơn nữa để bảo vệ quyền con người và các vấn đề bảo hộ công dân, tránh những khó khăn trong việc thực hiện pháp luật trên thực tế làm cho việc tiếp cận vấn đề và bảo hộ công dân của cơ quan chức năng khi quyền lợi của công dân Việt Nam bị ảnh hưởng. Đồng thời, Việt Nam cần tuyên đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho người dân trước khi tham gia lao động di trú để bảo vệ tối đa quyền và lợi ích hợp pháp của nhóm đối tượng này.

### Kết luận

Quyền của người lao động di trú là một trong những nhóm quyền cơ bản của quyền con người, đặc biệt là trong bối cảnh thị trường lao động dường như là “không biên giới”. Từ thực tiễn người lao động Việt Nam tại Nhật Bản, bài viết đã đi vào phân tích quyền của người lao động di trú trong hiến pháp của hai quốc gia. Qua đó, có thể nhận thấy những quy định về quyền của người lao động di trú trong hiến pháp Việt Nam và Hiến pháp Nhật Bản chưa thực sự được thể hiện rõ ràng, điều này gây khó khăn cho quá trình thực thi pháp luật trên thực tế. Chính vì vậy, bài viết cũng đề xuất một số khuyến nghị nhằm đảm bảo hơn nữa quyền lợi của người lao động di trú bao gồm: (1) Cần làm rõ thuật ngữ quyền con người trong Hiến pháp của các quốc gia theo hướng đảm bảo quyền của người nước ngoài; (2) Tăng cường các quy định về người lao động di trú bằng một văn bản pháp luật cụ thể; (3) Tăng cường hợp tác toàn diện về lĩnh vực hợp tác lao động giữa các quốc gia.

---

<sup>308</sup> 秋山肇, COVID-19対策と日本国憲法が保障する人権: 新型インフルエンザ等対策特別措置法に着目して <https://f1000research.com/articles/10-230>, truy cập ngày 25/9/2023.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Văn phòng Quốc hội (2009), Tuyển tập Hiến pháp một số nước trên thế giới, Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 NXB Thống kê, HN.
2. Nguyễn Ngọc Nghiệp (2021), Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp Nhật Bản và Hiến pháp Việt Nam: Phân tích so sánh, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á, số 7 năm 2021.
3. Nguyễn Ngọc Nghiệp, Nguyễn Tuấn Việt (2020), Vai trò của hiến pháp trong việc đảm bảo quyền con người, quyền công dân - Khảo sát trường hợp Nhật Bản, Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á, Số 11 (237) năm 2020.
4. Nguyễn Duy Quốc (2014), Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền cơ bản của công dân, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12(268), tháng 6/2014.
5. Asahi Shimbun (2022), Human rights of foreign residents need protection in the Constitution, <https://www.asahi.com/ajw/articles/14614807>.
6. Trùng Quang (2021), Thực tập sinh Việt ở Nhật bị kết án tù vì bỏ thi thể cặp song sinh chết lưu, <https://plo.vn/thuc-tap-sinh-viet-o-nhat-bi-ket-an-tu-vi-bo-thi-the-cap-song-sinh-chet-luu-post638395.html>.
7. Vũ Công Giao (2011), “Một số suy nghĩ về Constitutionalism”, Kỷ yếu Tọa đàm về Chủ nghĩa Hiến pháp của Bộ môn Luật Hiến pháp - Hành chính tháng 10/2011, Khoa Luật, ĐHQG Hà Nội, trang 38.
8. (United Nations (1990), International Convention on the Protection of the Rights of All Migrant Workers and Members of their Families).
9. Long Nguyễn (2023), Lao động Việt Nam đóng góp tích cực tại Nhật Bản, <https://vtv.vn/the-gioi/lao-dong-viet-nam-dong-gop-tich-cuc-tai-nhat-ban-20230128064020408.htm>.
10. Bùi Thị Hòa (2014), Hoàn thiện pháp luật về quyền của người lao động di trú ở Việt Nam, Luận văn thạc sĩ luật học, khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
11. <https://fl1000research.com/articles/10-230>.

**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN  
DIỄN TRÌNH QUAN HỆ - THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**(Nhiều tác giả)**

**NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ**  
Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q.Đống Đa - TP. Hà Nội  
VPGD: Số 347 Đội Cấn - Quận Ba Đình - TP Hà Nội  
ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752  
Email: nxbdantri@gmail.com  
Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**BÙI THỊ HƯƠNG**

Chịu trách nhiệm nội dung:

**LÊ QUANG KHÔI**

Biên tập: **Trần Thị Phương Đông**

Vẽ bìa: **Nguyễn Ánh Tuyết**

Chế bản: **Đặng Thị Kim Tuyến**

---

In 50 cuốn, khổ 19×27cm tại Công ty TNHH In Khuyến học.

Địa chỉ số: Địa chỉ: 9/64 ngõ 35 Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 626-2024/CXBIPH/1-25/DT

Quyết định xuất bản số: 562/QĐXB-NXBĐT

do Nhà xuất bản Dân trí cấp ngày 7/3/2024

Mã ISBN: 978-604-40-1915-4

In xong, nộp lưu chiểu năm 2024



**HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ**  
**VIỆT NAM - NHẬT BẢN**  
DIỄN TRÌNH QUAN HỆ - THÀNH TỰU VÀ TRIỂN VỌNG



ISBN: 978-604-40-1015-4  
9 786044 019154  
SÁCH KHÔNG BÁN